TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 10-5-2018.
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Kiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Thanh Hùng.

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Xuân - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 10 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 381/2017/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 12 năm 2017, về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2018/QĐST-DS, ngày 23 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 423 ấp A, xã Y, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; chị T có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn E, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 22 ấp H, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; anh E không có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn Huỳnh Thị T trình bày là giữa chị T và bị đơn là anh Nguyễn Văn E tự nguyện cưới nhau và sống chung với nhau như vợ chồng vào ngày 09/3/1993 âm lịch, nhưng không đăng ký kết hôn. Do anh E không lo làm ăn, thường xuyên rượu chè, cờ bạc, nhiều lần chửi mắng, đánh đập vợ con nên vợ chồng chị T và anh E phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến cự cãi và vợ chồng chính thức ly thân nhau từ tháng 5 năm 2005 đến nay. Nay chị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn E;

Về con chung: Do hai con chung là Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 20 tháng 4 năm 1994 và Nguyễn Văn Hải L, sinh ngày 18 tháng 12 năm 1998 đã trưởng thành và có khả năng tự lao động kiếm sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn E không có ý kiến cũng như không có mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chị Huỳnh Thị T xin ly hôn với anh Nguyễn Văn E là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị T và anh E thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh E có địa chỉ cư trú tại số nhà 22 ấp H, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, nên Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Xét thấy thời gian chị T và anh E chung sống khoảng 12 năm, tuy giữa vợ chồng có bất hòa trong cuộc sống, nhưng vợ chồng vẫn sống hạnh phúc, nhưng sau đó do anh E không lo làm ăn, thường xuyên rượu chè, cờ bạc, nhiều lần chửi mắng vợ con đã dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng và vợ chồng đã chính thức xa nhau từ tháng 5 năm 2005 đến nay, nên chị T yêu cầu ly hôn anh E.

Đối với anh E, Tòa án đã tống đạt đầy đủ văn bản tố tụng theo quy định, nhưng đương sự không gửi văn bản cho biết ý kiến của bị đơn về yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời cũng không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Do đó mọi hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ anh E phải chịu theo quy định của pháp luật.

Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh E không tuân thủ về đăng ký kết hôn mà Luật Hôn nhân và gia đình đã quy định. Tuy chị T có yêu cầu xin ly hôn, anh E không gửi văn bản cho biết ý kiến của anh E về yêu cầu của chị T, đồng thời cũng không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng do việc kết hôn giữa chị T và anh E không được đăng ký theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không có giá trị pháp lý. Do đó không công nhận chị Huỳnh Thị T và anh Nguyễn Văn E là vợ chồng phù hợp khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

[3] Về nuôi con chung: Do hai con chung của chị T và anh E là Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 20 tháng 4 năm 1994 và Nguyễn Văn Hải L, sinh ngày 18 tháng 12 năm 1998 đã trưởng thành, có khả năng tự lao động kiếm sống và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản: Chị Huỳnh Thị T không yêu cầu giải quyết và anh Nguyễn Văn E cũng không có văn bản trình bày ý kiến về vấn đề này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Huỳnh Thị T không yêu cầu giải quyết và anh Nguyễn Văn E cũng không có văn bản trình bày ý kiến về vấn đề này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Huỳnh Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận nguyên đơn chị Huỳnh Thị T và bị đơn anh Nguyễn Văn E là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Huỳnh Thị T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 02090 ngày 07/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò (Chị T đã nộp đủ án phí).

Chị Huỳnh Thị T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Nguyễn Văn E vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày anh E nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- CC.THADS huyện L;
- UBND xã Đ;
- UBND xã Y;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Kiến